

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2025
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Vân;
- Ông Thái Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn,” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đặng Thị Mai L, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: anh Lê Văn N, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Mai L trình bày:

Chị và anh Lê Văn N tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Trong quá trình sống chung thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị và anh N thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh N không lo làm ăn, ăn chơi cờ bạc, ghen tuông vô cớ. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được đến năm 2018 chị có nộp đơn ra tòa án để ly hôn nhưng do anh N năn nỉ hứa sẽ sửa đổi chăm lo cho gia đình nên chị rút đơn ly hôn về. Từ đó đến nay, anh N vẫn không thay đổi, ngày càng ăn chơi cờ bạc bỏ bê vợ con không lo dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nếu tiếp tục chung sống không còn hạnh phúc nên chị L xin ly

hôn với anh N.

Về con chung: Có 03 con chung gồm Lê Gia H, sinh năm 1996; Lê Gia C, sinh năm 1998; Lê Gia C1, sinh năm 2001; các con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị Ly khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Ly khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để làm việc nên không có lời khai, lời trình bày

Tại phiên tòa chị L, anh N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Mai L đối với anh Lê Văn N.

Về con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được, chị L không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, chia tài sản khi ly hôn, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị Đặng Thị Mai L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lê Văn N hiện có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng tại ấp G, xã N, huyện C, Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Đặng Thị Mai L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh N đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L, anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh N chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh và năm 2002, nên hôn nhân của chị L, anh N là hôn nhân hợp pháp từ năm 2002 và được pháp luật bảo vệ. Chị L cho rằng trong quá trình sống chung chị và anh N thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không

hợp, anh N không lo làm ăn, ăn chơi cờ bạc, ghen tuông vô cớ, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, đến năm 2018 chị có nộp đơn ra tòa án để ly hôn nhưng do anh N năn nỉ hứa sẽ sửa đổi chăm lo cho gia đình nên chị rút đơn ly hôn cho anh N có cơ hội sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 75/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2018.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn với anh N.

Chị L nộp đơn khởi kiện lại từ ngày 04 tháng 2 năm 2025, Tòa án thụ lý vụ án ngày 11 tháng 2 năm 2025 cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N hợp lệ nhưng anh N không đến Tòa án để cung cấp lời khai lời trình bày và tham gia hòa giải tại Tòa án. Anh N không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không có khả năng hàn gắn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Mai L đối với anh Lê Văn N.

[3] Về con chung: chị Ly khai chị và anh N có 03 con chung là Lê Gia H, sinh năm 1996; Lê Gia C, sinh năm 1998; Lê Gia C1, sinh năm 2001, các con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được, chị L không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 328, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Mai L đối với anh Lê Văn N.

Chị Đặng Thị Mai L được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: các con chung của chị L, anh N đã thành niên tự lao động sinh sống được, chị L không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị Đặng Thị Mai L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị

L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010391 ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chỉ L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Ninh Diên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân